

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST
Ngày 03-5-2024
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Hùng
- Ông Tạ Kỳ Trung

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 397/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* anh Phạm Văn B, sinh năm: 1991; địa chỉ: khu phố L, phường L, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, (có mặt);

- *Bị đơn:* chị Trần Thị Thúy H, sinh năm: 1989; địa chỉ: khu phố A, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và Bản tự khai đề ngày 08-12-2023 và trong quá trình làm việc nguyên đơn anh Phạm Văn B trình bày:

- Về hôn nhân: anh và chị Trần Thị Thúy H tự nguyện tổ chức lễ cưới với nhau vào tháng 7 năm 2017, có đăng ký kết hôn tại xã L, T, Tây Ninh. Ngày cưới bên gia đình anh có cho vợ 01 đôi bông tai, 01 sợi dây chuyền, nhẫn cưới, tất cả là hơn 10 chỉ vàng 24k, số vàng này vợ giữ bán nuôi con hết. Cưới xong vợ chồng về sống chung nhà cha mẹ anh, anh lấy xe thuê, vợ làm công nhân. Vợ chồng sống đến tháng 5 năm 2018 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ về nhà cha mẹ ruột sinh con xong ở lại luôn nên anh phải đi về với vợ chứ không ở lại nhà cha mẹ vợ, lúc đó anh yêu cầu vợ về nhà cha mẹ anh ở, nhưng vợ không chịu về mà đề nghị

anh làm đơn ly hôn, từ đó anh không qua lại với vợ nữa, vợ chồng sống ly thân từ tháng 4-2021. Do vợ chồng không còn tình cảm, cũng không thể tiếp tục sống chung được nữa, nên anh xin ly hôn với chị H.

- Về con chung: có 02 cháu là Phạm Hồng H1, sinh ngày 14-4-2018 và Phạm Hồng D, sinh ngày 18-9-2020, hiện vợ đang nuôi, anh yêu cầu con sống với ai người đó nuôi, không cấp dưỡng. Nếu vợ nuôi không được thì giao anh nuôi, anh không yêu cầu cấp dưỡng. Anh hiện làm công nhân lái xe cho công ty thu nhập gần 7.000.000 đồng/tháng nên không đủ tiền cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có, anh không yêu cầu giải quyết.

Số tài sản vợ khai là không có nên anh không đồng ý chia. Về tài sản riêng vợ yêu cầu anh trả 60.000.000 đồng là không có, anh không có mượn nên không đồng ý trả.

Tại bản tự khai ngày 20-3-2024 bị đơn chị Trần Thị Thúy H trình bày: chị xác nhận lời trình bày của anh B về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn là đúng. Nữ trang ngày cưới có 01 đôi bông tai, 01 sợi dây chuyền, 01 lắc tay, là vàng 18k, chị đã bán hết để chi phí nuôi con lúc vợ chồng sống ly thân. Lý do ly hôn là vợ chồng sống đến khi chị sắp sinh cháu lớn, chị phát hiện anh B có quan hệ tình cảm bất chính với người khác, nên chị xin cha mẹ chồng về nhà cha mẹ chị ở để sinh con, được cha mẹ chồng đồng ý, nên chị về nhà cha mẹ ruột ở sinh con từ tháng 3-2018, lúc đó anh B có đến thăm con rồi về chứ không ở lại, lúc đó người phụ nữ có quan hệ tình cảm với anh B chụp ảnh hai người gửi cho chị, nên chị về nhà chồng nói cho cha mẹ chồng biết, sau đó anh B có năn nỉ chị và cha mẹ chị bỏ qua, nên chị cũng bỏ qua cho anh, vợ chồng vẫn sống trở lại, anh B đi về ở lại với chị. Đến tháng 4-2021 vợ chồng nhắn tin qua lại với nhau về việc dịch bệnh không làm ra tiền, anh B yêu cầu chị giảm bớt chi phí sữa tã của con lại, nên chị tự ái nói vậy không đưa tiền luôn đi, từ đó anh bỏ luôn không đi về với chị, cũng không phụ tiền cho chị nuôi con, vợ chồng sống ly thân từ tháng 4-2021, thời gian này anh hay nhắn tin chửi mắng chị. Nay anh B xin ly hôn thì chị đồng ý ly hôn.

- Về con chung: có 02 con như anh B khai là đúng, chị đang nuôi, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng, 02 cháu 4.000.000 đồng/tháng. Do cháu H1 bị bệnh tự kỷ, đã có kết luận của bác sĩ, cháu D bị bệnh tim bẩm sinh có giấy của bác sĩ và có dấu hiệu bệnh tự kỷ. Chị làm kế toán cho công ty thu nhập 6.000.000 đồng/tháng không đủ chi phí nuôi con. Anh B hiện lái xe cho công ty P ở Khu Công nghiệp P, G, thu nhập mỗi tháng khoảng 9.000.000 đồng, nên anh B có điều kiện cấp dưỡng nuôi con. Chị không đồng ý giao con cho anh B nuôi, do từ khi sinh ra đến nay anh B không nuôi con, chăm sóc con, từ tháng 4-2021 đến nay anh cũng không phụ tiền cho chị nuôi con.

- Về tài sản chung: có 01 con bò cái, 01 chiếc xe Wave không nhớ biển số, anh B giữ, chị không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản riêng của chị: số tiền 60.000.000 đồng anh B mượn chị sau khi cưới là tháng 8-2018 để học nâng bằng lái xe, tiền hụi chị đóng mà anh B hốt lấy hết, hai khoản là 60 triệu đồng, chị yêu cầu anh B trả lại nhưng anh không trả, do

không có chứng cứ gì để chứng minh, nên chị không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: về hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Phạm Văn B với chị Trần Thị Thúy H; về con chung: giao 02 cháu Phạm Hồng H1, sinh ngày 14-4-2018 và Phạm Hồng D, sinh ngày 18-9-2020 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Buộc anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật; về tài sản chung, tài sản riêng và nợ chung: không đặt ra giải quyết; đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* anh B có đơn xin ly hôn với chị H có địa chỉ tại A, A, T, nên Tòa án thị xã T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân:* anh B, chị H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2017, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân với nhau từ tháng 4 năm 2021.

Xét thấy, do anh chị sống không phù hợp, bất đồng quan điểm, nên hay cãi vã gây gổ nhau. Theo anh B là do do vợ về nhà cha mẹ ruột sinh con xong ở lại luôn nên anh phải đi về với vợ, lúc đó anh yêu cầu vợ về nhà cha mẹ anh ở, nhưng vợ không chịu về mà đề nghị anh làm đơn ly hôn, từ đó anh không qua lại với vợ nữa, vợ chồng sống ly thân từ tháng 4-2021, nên anh xin ly hôn. Theo chị H là do anh B có quan hệ bất chính với người khác, nên chị về nhà cha mẹ ruột ở để sinh con từ tháng 3-2018, lúc đó anh B có đi về với chị, sau đó hai người vẫn còn qua lại với nhau nên chị có nói cho cha mẹ chồng biết, đến khi dịch bệnh vợ chồng nhắn tin qua lại với nhau về việc không làm ra tiền nên giảm bớt chi phí sữa tã của con lại, chị tự ái kêu anh không đưa tiền nữa, từ đó anh bỏ luôn không đi về với chị, cũng không phụ tiền cho chị nuôi con, vợ chồng sống ly thân từ tháng 4-2021, nay chị đồng ý ly hôn với anh B. Xét thấy, anh chị không còn tình cảm, cũng không còn tin tưởng lẫn nhau về tình cảm và tiền bạc, nên anh chị đồng ý ly hôn với nhau. Chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được, anh chị đã sống ly thân từ tháng 4-2021, nên cần chấp nhận yêu cầu thuận tình ly hôn của anh B với chị H là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: có 02 con Phạm Hồng H1, sinh ngày 14-4-2018 và Phạm Hồng D, sinh ngày 18-9-2020, hiện chị H đang nuôi. Anh B yêu cầu con sống với ai người đó nuôi, không cấp dưỡng. Chị H yêu cầu nuôi hết hai con, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng/cháu, 02 cháu 4.000.000 đồng/tháng. Xét thấy, các cháu còn nhỏ, chị H đã nuôi dưỡng các cháu từ nhỏ, đã ổn định, các cháu đều có bệnh chậm phát triển, nên cần sự chăm sóc giáo dục của người mẹ nhiều hơn. Đối với yêu cầu cấp dưỡng của chị H là cao hơn ½ mức lương tối thiểu, nên cần xem xét lại. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên và điều kiện phát triển bình thường về tâm sinh lý của trẻ, nghị nên giao 02 cháu H1, D cho chị H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, buộc anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/cháu, 02 cháu 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về tài sản chung*: anh B, chị H không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: anh B, chị H khai không có, nên không giải quyết.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tại phiên toà là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] *Về án phí*: anh B tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và anh B phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Huỳnh Văn B1 đối với chị Trần Thị Thúy Huỳnh. Anh B1, chị H được thuận tình ly hôn.

2. *Về con chung*: giao 02 cháu Phạm Hồng H1, sinh ngày 14-4-2018 và Phạm Hồng D, sinh ngày 18-9-2020 cho chị Trần Thị Thúy H được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc anh Trần Văn B2 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng, hai cháu 2.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hai cháu Hồng H1, Hồng D đã trưởng thành và có khả năng tự lao động sinh sống được.

Anh Huỳnh Văn B1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. *Về tài sản chung*: anh B1, chị H không yêu cầu, nên không giải quyết.

4. *Về nợ chung*: anh B1, chị H khai không có, nên không giải quyết.

5. *Về án phí*: anh Huỳnh Văn B1 tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và anh B1 chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh B1 đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0015124 ngày 08-12-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng. Anh B1 còn phải nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

“Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND P. Lộc Hưng, Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị An